

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG
VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngâm Fecon đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngâm Fecon (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi giữ nguyên lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ lên 107.000.000.000 đồng.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngâm Fecon
Vốn điều lệ: 107.000.000.000 đồng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
	Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên
	Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên
	Ông Hà Thế Phương	Ủy viên
	Ông Nguyễn Chí Công	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Việt Khoa	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hải Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Luyện	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/2/2011)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Số: 507/2011/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁNVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 được lập tại ngày 25/8/2011 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon (gọi tắt là "Công ty") trình bày từ trang 04 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Nguyễn Anh Tuấn**
Phó Tổng Giám đốcChứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2011

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		438.091.506.743	220.549.869.283
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	43.926.153.217	27.510.339.409
1. Tiền	111		39.080.426.101	27.510.339.409
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.845.727.116	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		199.446.276.431	122.333.336.785
1. Phải thu khách hàng	131		118.303.562.098	110.133.775.935
2. Trả trước cho người bán	132		62.141.314.333	12.196.655.854
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	19.001.400.000	2.904.996
IV- Hàng tồn kho	140		161.306.764.694	57.864.063.132
1. Hàng tồn kho	141	5.3	161.306.764.694	57.864.063.132
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		33.412.312.401	12.842.129.957
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.239.613.570	400.564.696
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.5	27.928.307.404	11.122.770.953
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	25.269.727	36.259.344
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	4.219.121.700	1.282.534.964
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		378.922.791.213	289.884.091.938
I Các khoản phải thu dài hạn	210		501.556.680	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.7	501.556.680	-
II Tài sản cố định	220		359.089.628.625	270.276.550.336
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	291.760.135.037	140.168.669.118
- Nguyên giá	222		369.700.342.833	198.239.611.335
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.940.207.796)	(58.070.942.217)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	26.980.511.366	-
- Nguyên giá	225		27.911.133.600	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(930.622.234)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	36.209.692.991	36.680.185.539
- Nguyên giá	228		37.817.115.061	37.817.115.061
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.607.422.070)	(1.136.929.522)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.11	4.139.289.231	93.427.695.679
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	7.000.000.000	7.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.000.000.000	7.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.331.605.908	12.607.541.602
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	12.312.971.895	12.588.907.589
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		18.634.013	18.634.013
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		817.014.297.956	510.433.961.221

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		493.070.552.266	231.788.493.934
I- Nợ ngắn hạn	310		327.791.959.195	137.454.096.091
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	114.811.401.510	27.270.190.215
2. Phải trả người bán	312		132.393.010.494	78.065.858.564
3. Người mua trả tiền trước	313		53.001.370.896	10.374.824.350
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	12.503.609.858	17.020.689.569
5. Phải trả người lao động	315		4.993.514.395	1.494.585.210
6. Chi phí phải trả	316	5.16	1.645.494.120	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	1.178.190.031	25.747.337
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		7.265.367.891	3.202.200.846
II- Nợ dài hạn	330		165.278.593.071	94.334.397.843
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	165.278.593.071	94.334.397.843
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		226.295.899.687	206.792.109.155
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	226.295.899.687	206.792.109.155
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		107.000.000.000	107.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.002.820.000	25.002.820.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(1.161.596.518)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.966.449.719	3.835.946.064
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.498.224.860	1.917.973.032
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		80.828.405.108	70.196.966.577
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		97.647.846.003	71.853.358.132
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400 + 439)	440		817.014.297.956	510.433.961.221

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	TM	30/6/2011	1/1/2011
5. Ngoại tệ các loại		917.337,18 USD	706,64 USD

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Yên

Nguyễn Thị Thanh Vân

Phạm Việt Khoa